

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình

2. Ông Hồ Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Sao L, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ân N, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Đặng Thị Sao L có mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Ân N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 02 năm 2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Sao L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Sao L và ông Nguyễn Ân N chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 22/5/2006. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt và mệt mỏi nên bà Đặng Thị Sao L quyết định làm đơn ly hôn với ông Nguyễn Ân N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông N có 03 người con chung tên Nguyễn Hạ T, sinh ngày 08/02/2004; Nguyễn Đặng Bảo N1, sinh ngày 12/02/2006; Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 12/12/2009. Bà Đặng Thị Sao L yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nguyên K và không yêu cầu ông Nguyễn Ân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 con chung tên Nguyễn Hạ T và Nguyễn Đặng Bảo N1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn ông Nguyễn Ân N thể hiện:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông Nguyễn Ân N biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Ân N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông N đăng ký kết hôn ngày 22/5/2006 tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung có 03 con chung.

Hiện nay, cho rằng vợ chồng sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn nhưng rút đơn để hàn gắn hạnh phúc gia đình và cho bị đơn ông N có thời gian thay đổi nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông N

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng đầy đủ theo quy định nhưng bị đơn ông N vẫn không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh của Tòa án thì bị đơn ông N thường

xuân uồng rượu và có hành vi quậy phá gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được (không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng). Về con chung: Cháu có nguyện vọng được sống cùng nguyên đơn bà L.

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đặng Thị Sao L khởi kiện ông Nguyễn Ân N về việc ly hôn. Ông Nguyễn Ân N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Sao L có mặt, bị đơn ông Nguyễn Ân N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Đặng Thị Sao L và ông Nguyễn Ân N chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 22/5/2006. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt và mệt mỏi nên bà Đặng Thị Sao L quyết định làm đơn ly hôn với ông Nguyễn Ân N.

Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo 02 lần tạo điều kiện cho bị đơn ông Nguyễn Ân N hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh ông Nguyễn Ân N không muốn đoàn tụ gia đình cùng chung sống với nguyên đơn. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 11/3/2024 của Tòa án đối với chính quyền ấp T, xã L xác định ông N thường xuyên uồng rượu say sưa, về nhà có hành vi quậy phá chửi bới bà L nhiều lần. Do đó, phía bà L đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn, sau đó bà L đã tự nguyện rút đơn để hòa thuận gia đình và tạo cơ hội cho ông N sửa chữa lỗi lầm của mình. Mặc khác năm 2023, ông N có hành vi đốt tài sản của mình là xe gắn máy nên phía cơ quan chức năng xã L tiến hành lập biên bản. Xét tình trạng hôn

nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông N là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông N có 03 con chung tên Nguyễn Hạ T, sinh ngày 08/02/2004; Nguyễn Đăng Bảo N1, sinh ngày 12/02/2006; Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 12/12/2009. Đối với 02 con chung tên Nguyễn Hạ T và Nguyễn Đăng Bảo N1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Hiện con chung tên Nguyễn Nguyên K đang học lớp 10 tại trường trung học cơ sở L1, đồng thời tại bản tự khai ngày 08/3/2024, cháu Nguyễn Nguyên K có nguyện vọng được chung sống với mẹ tên Đặng Thị Sao L, nếu ba mẹ yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 12/12/2009 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông Nguyễn Ân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Thị Sao L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Sao L đối với ông Nguyễn Ân N về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Sao L ly hôn với ông Nguyễn Ân N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 12/12/2009 cho bà Đặng Thị Sao L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự

nguyện của bà Đặng Thị Sao L về việc không yêu cầu ông Nguyễn Ân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn thì bà Đặng Thị Sao L và ông Nguyễn Ân N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Sao L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002684 ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (Giấy CNKH số 51 ngày 22/5/2006);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam